

Biểu số: 0914.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày
06/3/2018

Đơn vị báo cáo: Huyện ủy Bảo Lâm

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm

SỔ TRANG THIẾT BỊ DÙNG CHO LƯU TRỮ

Năm ...

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Lưu trữ cơ quan						Lưu trữ lịch sử
				Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Chiều dài giá/tủ bảo quản tài liệu	01	Mét giá								
Trong đó: Giá cố định	02	Mét giá						3,5		
Trong đó: Giá di động	03	Mét giá								
2. Camera quan sát	04	Chiếc						không		
3. Hệ thống chống đột nhập	05	Hệ thống						không		
4. Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động	06	Hệ thống						không		
5. Bình chữa cháy	07	Chiếc						2		
6. Hệ thống điều hòa nhiệt độ trung tâm	08	Hệ thống						không		
7. Máy điều hòa nhiệt độ	09	Chiếc						không		
8. Máy hút ẩm	10	Chiếc						không		
9. Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm	11	Chiếc						không		
10. Thiết bị thông gió	12	Chiếc						không		
11. Máy khử trùng tài liệu	13	Chiếc						không		
12. Máy khử axit	14	Chiếc						không		

13. Hệ thống thiết bị tu bổ, phục chế tài liệu	15	Hệ thống						không		
14. Mạng diện rộng	16	Hệ thống						không		
15. Mạng nội bộ	17	Hệ thống						không		
16. Máy chủ	18	Chiếc						không		
17. Ổ lưu dữ liệu	19	Chiếc						không		
18. Máy vi tính	20	Chiếc						1		
19. Máy quét (Scanner)	21	Chiếc						1		
20. Máy sao chụp	22	Chiếc						không		
21. Các trang thiết bị khác	23							không		

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)



Nguyễn Thị Hoà

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

VĂN PHÒNG

Vũ Thị Ân

Biểu số: 0913.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Huyện ủy Bảo Lâm

Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm

DIỆN TÍCH KHO LƯU TRỮ

Năm 2022

Đơn vị tính: m²

	Mã số	Tổng số	Kho chuyên dụng			Kho không chuyên dụng	Kho tạm
			Tổng số	Đã sử dụng để bảo quản tài liệu	Chưa sử dụng để bảo quản tài liệu		
A	B	01=02+05+06	02=03+04	03	04	05	06
I. Lưu trữ cơ quan	01						
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02						
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03						
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04						
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05						
5. Cấp huyện	06	1		36m			
6. Cấp xã	07						
II. Lưu trữ lịch sử	08						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Hoè

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Thị Ân

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Khái niệm: Kho lưu trữ là nơi để bảo quản tài liệu lưu trữ. Các loại kho lưu trữ bao gồm: Kho lưu trữ chuyên dụng, kho lưu trữ không chuyên dụng và kho tạm:

- Kho lưu trữ chuyên dụng là nơi được dùng để bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định tại Mục II của Thông tư số 09/2007/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về kho lưu trữ chuyên dụng.

- Kho không chuyên dụng là nơi bảo quản tài liệu lưu trữ chưa bảo đảm các yêu cầu của Thông tư 09/2007/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về kho lưu trữ chuyên dụng.

- Kho tạm là nhà cấp 4, nhà tạm, diện tích tận dụng (hành lang, cầu thang, sảnh, ...) dùng để bảo quản tài liệu lưu trữ.

b) Phương pháp tính: Diện tích kho lưu trữ là diện tích của kho lưu trữ tính theo mét vuông (m^2).

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng diện tích kho lưu trữ và chia theo từng loại tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo;

Cột 2: Ghi tổng diện tích kho lưu trữ chuyên dụng và chia theo từng loại tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo;

Cột 3: Ghi diện tích kho lưu trữ chuyên dụng đã sử dụng và chia theo từng loại tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 4: Ghi diện tích kho lưu trữ chuyên dụng chưa sử dụng và chia theo từng loại tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 5: Ghi diện tích kho lưu trữ không chuyên dụng và chia theo từng loại tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 6: Ghi diện tích kho lưu trữ tạm và chia theo từng loại tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm báo cáo.



Biểu số: 0912.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày
06/3/2018

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm

Đơn vị báo cáo: Huyện uỷ Bảo Lâm

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh uỷ

SỐ TÀI LIỆU ĐƯỢC SAO CHỤP
Năm 2022

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Số tài liệu nền giấy	01							180		
2. Số tài liệu bản đồ	02									
3. Số tài liệu ghi âm	03									
4. Số tài liệu ghi hình	04									
5. Số tài liệu phim, ảnh	05									
6. Số tài liệu điện tử	06									
7. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)	07									

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

**NGƯỜI LẬP
BIỂU**

(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Hoà

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Thị Ân

Biểu số: 0911.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Huyện uỷ Bảo Lâm

Ban hành theo Thông tư số

03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh uỷ

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm sau

SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ ĐƯA RA SỬ DỤNG

Năm 2022

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Tài liệu phục vụ theo yêu cầu của độc giả										
a) Số lượt người khai thác sử dụng tài liệu	01	Lượt người						205	59	
Tại phòng đọc	02	Lượt người						205		
Trực tuyến	03	Lượt người								
b) Số hồ sơ/ĐVBQ phục vụ độc giả	04	Hồ sơ/ĐVBQ								
Trong đó: Tài liệu nền giấy	05	Hồ sơ/ĐVBQ								
2. Tài liệu do cơ quan Lưu trữ công bố, giới thiệu										
a) Số lượt người khai thác sử dụng tài liệu	06	Lượt người								
b) Số Hồ sơ/ĐVBQ đưa ra sử dụng	07	Hồ sơ/ĐVBQ								
Trong đó: Tài liệu nền giấy	08	Hồ sơ/ĐVBQ								
c) Số bài công bố, giới thiệu	09	Bài viết								

d) Số lần trưng bày, triển lãm	10	Lần								
Trong đó: Số lần trưng bày, triển lãm trực tuyến	11	Lần								
đ) Số ấn phẩm xuất bản	12	Ấn phẩm								
Trong đó: Số ấn phẩm điện tử	13	Ấn phẩm								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)



Nguyễn Thị Hoà

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022
K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Thị Ân

Biểu số: 0910.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày
06/3/2018

Đơn vị báo cáo: Huyện uỷ Bảo Lâm

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh uỷ

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm sau

SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ THU THẬP
Năm 2022

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Tài liệu nền giấy										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	01	Hồ sơ/Đơn vị								
Quy ra mét giá tài liệu	02	Mét giá						2m		
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	03	Mét giá						1m		
2. Tài liệu bản đồ										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	04	Tấm								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	05	Tấm								
3. Tài liệu ghi âm										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	06	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra giờ nghe	07	Giờ nghe								

b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	08	Cuốn, băng, đĩa								
4. Tài liệu ghi hình										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	09	Cuốn, băng, đĩa								
Quy ra giờ chiếu	10	Giờ chiếu								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	11	Cuốn, băng, đĩa								
5. Tài liệu phim, ảnh										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	12	Chiếc								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	13	Chiếc								
6. Tài liệu điện tử										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	14	Hồ sơ								
Quy ra dung lượng	15	MB								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	16	MB								
7. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)										

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

**NGƯỜI LẬP
BIỂU**

(Ký, họ và tên)



Nguyễn Thị Hoè

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Thị Ân

Biểu số: 0909.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày
06/3/2018

Đơn vị báo cáo: Huyện ủy Bảo Lâm

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm sau

SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ
Năm 2022

	Mã số	Đơn vị tỉnh	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Tổng số phông/sưu tập/công trình lưu trữ (có đến 31-12 năm báo cáo)	01	Phông/ sưu tập/công trình								
Trong đó: Số sưu tập	02	Sưu tập								
Trong đó: Số công trình	03	Công trình								
2. Số tài liệu nền giấy	04	Hồ sơ/Đơn vị bảo quản								
Quy ra mét giá tài liệu	05	Mét giá						4m		
a) Mức độ xử lý nghịệp vụ	06									
- Số tài liệu đã chỉnh lý hoàn chỉnh	07	Hồ sơ/Đơn vị bảo quản								
Quy ra mét giá tài liệu	08	Mét giá						2m		

- Số tài liệu đã chỉnh lý sơ bộ	09	Hồ sơ/Đơn vị bảo quản								
Quy ra mét giá tài liệu	10	Mét giá								
- Số tài liệu chưa chỉnh lý	11	Mét giá					1m			
b) Số tài liệu bị hư hỏng	12	Mét giá								
3. Số tài liệu bản đồ	13	Tám								
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	14	Tám								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	15	Tám								
4. Số tài liệu ghi âm	16	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra số giờ nghe	17	Giờ nghe								
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	18	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra giờ nghe	19	Giờ nghe								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	20	Cuộn, băng, đĩa								
5. Số tài liệu ghi hình	21	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra số giờ chiếu	22	Giờ nghe								
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	23	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra giờ chiếu	24	Giờ nghe								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	25	Cuộn, băng, đĩa								
6. Số tài liệu phim, ảnh	26	Chiếc								
Trong đó: Số phim âm bản	27	Chiếc								

a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	28	Chiếc								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	29	Chiếc								
7. Số tài liệu điện tử	30	Hồ sơ								
Quy ra dung lượng	31	MB								
Trong đó: Số tài liệu đã có dữ liệu đặc tả	32	Hồ sơ								
Quy ra dung lượng	33	MB								
8. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)	34									

Bảo Lâm , ngày 08 tháng 01 năm 2022

**NGƯỜI LẬP
BIỂU**

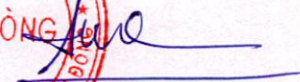
(Ký, họ và tên)



Nguyễn Thị Hoè

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Ân

Biểu số: 0908.N/BNV-

Đơn vị báo cáo: Huyện uỷ Bảo Lâm

Ban hành theo Thông tư số

03/2018/TT-BNV ngày

06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh uỷ

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm

SỐ NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC LƯU TRỮ

Năm 2022

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
		Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Tổng số nhân sự (có đến 31-12 năm báo cáo)	01								
Trong đó: Nữ	02						1		
Trong đó: Chuyên trách	03								
2. Chia theo trình độ đào tạo									
a) Trên đại học	04								
b) Đại học	05								
Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ	06								
c) Cao đẳng	07								
Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ	08								
d) Trung cấp	09								
Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ	10						1		
đ) Sơ cấp (tập huấn ngắn hạn)	11								

Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ	12								
3. Chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức danh nghề nghiệp lưu trữ									
Lưu trữ viên chính và tương đương	13								
Lưu trữ viên và tương đương	14								
Lưu trữ viên trung cấp và tương đương	15						X		
Khác	16								
4. Chia theo nhóm tuổi									
Từ 30 trở xuống	17								
Từ 31 đến 40	18								
Từ 41 đến 50	19								
Từ 51 đến 55	20						X		
Từ 56 đến 60	21								
Trên 60 tuổi	22								

Bảo Lâm,, ngày 08 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)



Nguyễn Thị Hoà

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Thị Ân

Biểu số: 0907.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm

Huyện Ủy Bảo Lâm

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Tỉnh ủy

SỐ TỔ CHỨC LƯU TRỮ
Năm 2022

	Mã số	Tổng số	Trung tâm lưu trữ và tương đương	Tổ lưu trữ	Bộ phận lưu trữ
A	B	01=02+...+05	02	04	05
I. Lưu trữ cơ quan	01				
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02				
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03				
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04				
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05				
5. Cấp huyện	06				1
6. Cấp xã	07				
II. Lưu trữ lịch sử	08				

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Hoè

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Thị Ân

Biểu số: 0906.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Huyện ủy Bảo Lâm

Ban hành theo Thông tư số

03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm sau

**SỐ LƯỢNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VÀ HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ
CÔNG TÁC LƯU TRỮ**
Năm 2022

Đơn vị tính: Văn bản

	Mã số	Tổng số	Quy chế, quy trình nghiệp vụ lưu trữ	Quy chế khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ	Nội quy ra vào kho lưu trữ	Bảng thời hạn bảo quản	Các quy định khác về lưu trữ
A	B	01=02+...+06	02	03	04	05	06
I. Lưu trữ cơ quan	01						
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02						
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03						
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04						
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05						
5. Cấp huyện	06	không có					
6. Cấp xã	07						
II. Lưu trữ lịch sử	08						

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Hoà

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Vũ Thị Ân

Biểu số: 0905.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm sau

Huyện uỷ Bảo Lâm
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh
uỷ

SỐ LƯỢNG HỒ SƠ
Năm 2022

Đơn vị tính: Hồ sơ

	Mã số	Tổng số	Hồ sơ nền giấy	Hồ sơ điện tử
A	B	01=02+03	02	03
TỔNG SỐ	01			
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02			
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03			
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04			
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05			
5. Cấp huyện	06		10 hộp	chưa có
6. Cấp xã	07			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Hoà

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG




Vũ Thị Ân

Biểu số: 0915.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày
06/3/2018
Ngày tháng năm

Đơn vị báo cáo: Huyện Ủy Bảo Lâm

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy

KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG LƯU TRỮ

Năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Tổng số	Lưu trữ cơ quan						Lưu trữ lịch sử
			Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
I. Thu	01								
1. Ngân sách cấp	02								
2. Thu phí sử dụng tài liệu	03								
3. Thu khác	04								
II. Chi (dòng 5 = dòng 6 + dòng 10)	05								
1. Chi hoạt động thường xuyên	06						không		
a) Ngân sách cấp	07								
b) Từ phí sử dụng tài liệu được để lại	08								
c) Nguồn khác	09								
2. Chi đầu tư phát triển	10								
a) Ngân sách cấp	11								
b) Từ phí sử dụng tài liệu được để lại	12								
c) Nguồn khác	13								

Bảo Lâm, ngày 08 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)



Nguyễn Thị Hoè

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Thị Ân

